

- Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học – Nhóm ....
- Mã học phần: **LLCTXH2** - Số tín chỉ: **02** - Đề số:
- Thời gian làm bài: **90 phút** (Không kể thời gian phát đề)
- Loại đề: **Không được sử dụng tài liệu**
- 

**Câu 1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Liên hệ với nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay**

**KHÁI NIỆM:** Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; Là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến; Là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

**a/ Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

**\* Nội dung tổng quát:** Thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản văn minh.

**\* Nội dung cụ thể**

**- Kinh tế**

+ Là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất, đại biểu cho quan hệ sản xuất mới tiên tiến nhất, đại biểu cho phương thức sản xuất tiên bộ nhất...

+ Là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất, tạo tiền đề vật chất – kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

+ Đại biểu cho lợi ích chung của toàn xã hội.

+ Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân thông qua quá trình công nghiệp hoá và thực hiện một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động để tăng năng suất lao động, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

+ Đóng vai trò nòng cốt trong việc giải phóng lực lượng sản xuất, thúc

đẩy lực lượng sản xuất phát triển..

+ Giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ...

**- Chính trị xã hội:**

+ Tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, xoá bỏ chế độ áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản, giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động...

+ Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới...

**- Văn hoá, tư tưởng:**

+ Xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng và tự do.

+ Thực hiện cuộc cách mạng về văn hoá, tư tưởng; Xây dựng củng cố chủ nghĩa Mác – Lênin; phát triển văn hoá, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức, lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

**b/ Liên hệ nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay**

**-Về kinh tế:**

+ Là nguồn nhân lực lao động chủ yếu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...

+ Là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước...

+ Phát huy vai trò của giai cấp công nhân, của công nghiệp, của liên minh công – nông – trí thức tạo động lực phát triển nông nghiệp – nông thôn...

**-Về chính trị - xã hội:**

+ Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của người đảng viên, tăng cường xây dựng chính đồn đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, ...

-Về văn hoá – tư tưởng:

+ Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa...

+ Bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh...

**Câu 2. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam**

**\* Những điều kiện khách quan và chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:**

**a/ Điều kiện khách quan**

- Do địa vị kinh tế - xã hội
- + GCCN là con đẻ của nền đại công nghiệp, có tính xã hội hóa cao, là chủ thể của quá trình sản xuất hiện đại
- + GCCN là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất
- + GCCN là người sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu cho xã hội
- + trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa GCCN không có hoặc có ít tư liệu sản xuất
- Do địa vị chính trị - xã hội

Trong chủ nghĩa tư bản lợi ích của GCCN đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản và thống nhất cơ bản với lợi ích của đa số nhân dân lao động.

Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, GCCN có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, cách mạng:

- + GCCN tiên phong cách mạng
- + GCCN dễ dàng đoàn kết giai cấp và đoàn kết với nông dân và quần chúng nhân dân lao động
- + Có tính tổ chức và kỷ luật cao
- + Trang bị lý luận khoa học là chủ nghĩa Mác – Lênin

### **b/ Điều kiện chủ quan**

- Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng...
- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.
- Liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

\* Trình bày được năm giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay:

1/ Nâng cao nhận thức kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam...

2/ Xây dựng giai cấp công nhân gắn liền với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh công, nông với đội ngũ trí thức và doanh nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng...

Phát huy vai trò của GCCN trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

3/ Thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động.

4/ Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hoá giai cấp công nhân...

Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao

5/ Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi công nhân, sự đóng góp tích cực của người lao động.

Sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trong việc xây dựng GCCN Việt Nam lớn mạnh.

### **Câu 3. Tính tất yếu và những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**

**Khái niệm thời kỳ quá độ:** Thời kỳ quá độ là thời kỳ sinh đẻ lâu dài và đau đớn để loại bỏ dần những cái cũ, xây dựng và củng cố dần những cái mới; là thời kỳ tạo ra những tiền đề vật chất, tinh thần để hình thành một xã hội mới cao hơn chủ nghĩa tư bản.

#### **\* Tính tất yếu của thời kỳ quá độ:**

- CNXH và CNTB khác nhau về bản chất. Do đó, muốn có CNXH phải có một thời kỳ lịch sử nhất định để làm thay đổi và làm mới toàn bộ những tàn tích của CNTB.

- CNXH được xây dựng trên nền sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao nhưng muốn cho cơ sở vật chất - kỹ thuật đó phục vụ cho CNXH cần có một thời gian tổ chức, sắp xếp lại. ở các nước chưa trải qua giai đoạn phát triển TBCN thì thời kỳ quá độ diễn ra lâu dài, khó khăn hơn để xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật ấy.

- Sự phát triển của CNTB dù đã ở trình độ cao cũng chỉ có thể tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các QHSX xã hội XHCN, vì thế cần phải có thời gian nhất định để xây dựng và phát triển những quan hệ đó.

- Công cuộc xây dựng CNXH là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, phải có thời gian để GCCN từng bước làm quen với những công việc đó.

#### **\* Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:**

- Đặc điểm tổng quát: Là thời kỳ tồn tại đan xen những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố của xã hội mới của CNXH trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội.

- Đặc điểm cụ thể:

+ Trên lĩnh vực kinh tế: Tất yếu tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong

một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất. Tất yếu tồn tại nhiều hình thức sở hữu và phân phối.

+ Trên lĩnh vực chính trị: Kết cấu xã hội thời kỳ này hết sức đa dạng phong phú và phức tạp; trong xã hội còn nhiều giai cấp, nhiều tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

+ Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hoá: Bên cạnh tư tưởng XHCN còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông; tồn tại các yếu tố văn hóa cũ- mới tồn tại đan xen, đấu tranh với nhau. Đấu tranh gạt bỏ yếu tố cũ, lạc hậu không thể thực hiện một cách nhanh chóng mà phải dần dần từng bước khắc phục, hạn chế và đi tới tiêu diệt những tàn tích của xã hội cũ để lại.

+ Trên lĩnh vực xã hội

Do kết cấu của nền kinh tế nhiều thành phần qui định nên trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

**Câu 4. Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa. Liên hệ những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang phấn đấu xây dựng.**

**\* Đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa**

Một là, chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

Đây được xem là đặc trưng quan trọng nhất và là mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu

Đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người trên phương diện kinh tế - xã hội.

Ba là, chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ

Đây là thuộc tính thể hiện thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội, xã hội vì con người và do con người.

Bốn là, chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

Năm là, chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại.

Thứ sáu, chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị

**\* Liên hệ những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang phấn đấu xây dựng:**

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tổng kết thực tiễn quá trình cách mạng Việt Nam, nhất là qua hơn 30 năm đổi mới, nhận thức của Đảng và nhân dân ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng rõ hơn. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với tám đặc trưng, trong đó có đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung của xã hội xã hội chủ nghĩa, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. mà nhân dân ta xây dựng, đó là:

Một là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là: Do nhân dân làm chủ.

Ba là: Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.

Bốn là: Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là: Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Sáu là: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Bảy là: Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Tám là: Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế

### **Câu 5. Dân chủ. Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa**

#### **\* Quan niệm:**

- Quan niệm của người Hy Lạp cổ đại: Các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ đại đã sử dụng từ *demoskratos* để nói về dân chủ. Theo đó dân chủ được hiểu là nhân dân cai trị hay là quyền lực thuộc về nhân dân.

- Quan niệm chủ nghĩa Mác lênin:

+ Phương diện quyền lực: dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân

+ Trên phương diện chế độ xã hội: Dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước

+ Trên phương diện tổ chức và quản lý xã hội, dân chủ là một nguyên tắc – nguyên tắc dân chủ

- Quan điểm của Hồ Chí Minh: Dân chủ là một giá trị nhân loại chung. Người khẳng định: dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ. Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Tóm lại: Dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền; đồng thời

dân chủ là một nguyên tắc – nguyên tắc dân chủ.

**\* Làm rõ được bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa:**

Bản chất chính trị:

- Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân (đảng Mác - Lênin) mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân, thể hiện qua các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và các lợi ích của nhân dân.

- Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động là những người làm chủ những quan hệ chính trị trong xã hội. Họ có quyền giới thiệu các đại biểu tham gia vào bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, xây dựng bộ máy và cán bộ, nhân viên nhà nước

Bản chất kinh tế:

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

- Quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối, phải coi lợi ích kinh tế của người lao động là động lực cơ bản nhất có sức thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu.

Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội:

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới.

Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc...

Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hoá tinh thần..

**Câu 6. Nội dung cơ bản cần thực hiện nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.**

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm...”.

- Nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

**\* Những nội dung cơ bản cần thực hiện nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay:**

Một là, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, cần thể chế hóa quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp. Cùng với đó là nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của thể chế, xây dựng và hoàn thiện thể chế phải được tiến hành đồng bộ cả ba khâu: Ban hành văn bản, quy định của thể chế; xây dựng cơ chế vận hành, thực thi thể chế; hoàn thiện tổ chức bộ máy theo dõi, giám sát việc thi hành thể chế.

Hai là, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

Ba là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, phải thực thi quyền dân chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện bằng hiến pháp và pháp luật. Nhà nước phải đảm bảo quyền con người là giá trị cao nhất.

Bốn là, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động để nâng cao vị trí, vai trò của mình, để tham gia giám sát, phản biện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Năm là, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Ngoài ra cần nâng cao dân trí, văn hóa pháp luật cho toàn thể xã hội (cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, nhân dân...).

Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội là yếu tố đảm bảo xây dựng nền dân chủ XHCN ở nước ta.

**\* Những nội dung cơ bản cần thực hiện nhằm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa**

Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.



Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân, đồng thời cũng gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với nhân dân. Tổ chức quyền lực của nhà nước pháp quyền XHCN đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan nhà nước.

Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội để đảm bảo đây là cơ quan quyền lực cao nhất ở nước ta. Đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm mạnh và bãi bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, điều hành quản lý đất nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bốn là, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Đảng và Nhà nước chủ trương: tiếp tục hoàn thiện các thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

**Câu 7. Nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin và quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản.**

**Khái niệm:**

- Nghĩa rộng: Dân tộc dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình....

Theo nghĩa rộng dân tộc là quốc gia

- Nghĩa hẹp: Dân tộc dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối quan hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa...

Theo nghĩa hẹp dân tộc là tộc người (dân tộc là một bộ phận của quốc gia)

**\* Nội dung Cương lĩnh dân tộc của V.I. Lênin (3 nguyên tắc)**

- Thứ nhất, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

+ Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không có sự phân biệt giữa các dân tộc; các dân tộc có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Giải quyết vấn đề dân tộc: trong quan hệ quốc tế và trong phạm vi một quốc gia có nhiều dân tộc

+ Thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc...

+ ý nghĩa: Quyền bình đẳng dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc

tự quyết và xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các dân tộc.

- Thứ hai, các dân tộc được quyền tự quyết

- + Là quyền của các dân tộc tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển.

- + Quyền dân tộc tự quyết bao gồm: quyền tách ra thành một quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

- + Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

- + Ý nghĩa: quyền tự quyết là quyền cơ bản và thiêng liêng của dân tộc

- Thứ ba, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

- + Giai cấp công nhân thuộc các dân tộc khác nhau đều thống nhất, đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

- + Phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; giữa tinh thần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

- + Là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

- + Là nội dung chủ yếu và là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

### **\* Quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng cộng sản Việt Nam**

Đại hội XII, Đảng cộng sản Việt Nam khẳng định: “đoàn kết dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta...”

1/ Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam

2/ Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển.

Các dân tộc cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN. Kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

3/ Phát triển toàn diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi...

Gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết vấn đề xã hội; quan tâm phát triển bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

4/ Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của các vùng dân tộc và miền núi...

Tập trung vào phát triển giao thông, cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế từng vùng.

5/ Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, của các cấp, các ngành và của cả hệ thống chính trị.

**Câu 8. Những nội dung cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin và chính sách dân tộc của Nhà nước ta hiện nay.**

**\* Nội dung Cương lĩnh dân tộc của V.I. Lênin (3 nguyên tắc)**

- Thứ nhất, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

+ Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không có sự phân biệt giữa các dân tộc; các dân tộc có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Giải quyết vấn đề dân tộc: trong quan hệ quốc tế và trong phạm vi một quốc gia có nhiều dân tộc

+ Thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc...

+ ý nghĩa: Quyền bình đẳng dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các dân tộc.

- Thứ hai, các dân tộc được quyền tự quyết

+ Là quyền của các dân tộc tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển.

+ Quyền dân tộc tự quyết bao gồm: quyền tách ra thành một quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

+ Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

+ Ý nghĩa: quyền tự quyết là quyền cơ bản và thiêng liêng của dân tộc

- Thứ ba, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

+ Giai cấp công nhân thuộc các dân tộc khác nhau đều thống nhất, đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

+ Phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; giữa tinh thần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

+ Là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

+ Là nội dung chủ yếu và là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

**\* Chính sách dân tộc của nhà nước ta hiện nay**

- Chính trị: Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc.

Nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là đoàn kết dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Kinh tế: Thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, đồng bào các dân tộc thiểu số...

Thực hiện các nội dung kinh tế thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Văn hóa: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...

Gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường thiết chế văn hóa phù hợp. Đồng thời, mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia, khu vực trên thế giới.

- Xã hội: Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng xã hội, công bằng xã hội...

Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù của từng vùng

- An ninh quốc phòng: Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc; tăng cường quan hệ quân - dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

Như vậy, chính sách dân tộc của nhà nước ta mang tính toàn diện, tổng hợp, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết. Thực hiện quyền bình đẳng dân tộc là cơ sở để từng bước khắc phục chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc.

### **Câu 9. Gia đình, vị trí và chức năng cơ bản của gia đình.**

\* **Khái niệm:** Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

#### **\* Vị trí gia đình**

1/ Gia đình là tế bào của xã hội.

Gia đình là một đơn vị nhỏ cấu thành xã hội, là nơi sinh ra con người và thể hiện chính bản thân cuộc sống con người, là nơi duy trì và bảo tồn nhiều yếu tố truyền thống trong quan hệ gia đình, cả những yếu tố tiến bộ, tích cực lẫn những yếu tố lạc hậu, tiêu cực

2/ Gia đình là tổ ấm mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên...

Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phởn triển. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội.

3/ Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội.

Quan hệ gia đình chịu sự chi phối, tác động của quan hệ xã hội và trên cơ sở thừa kế các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc, các vùng và địa phương với nhau. Vai trò cầu nối của gia đình được thể hiện ở chỗ thông qua gia đình mà xã hội tác động đến từng cá nhân và cá nhân tác động đến xã hội.

### **\* Chức năng cơ bản của gia đình**

1/Chức năng tái sản xuất ra con người

Đây là chức năng cơ bản và riêng có của gia đình, vừa đáp ứng nhu cầu tự nhiên, tâm - sinh lý của con người, đồng thời mang ý nghĩa xã hội là cung cấp những công dân mới, lực lượng lao động mới đảm bảo sự phát triển liên tục và trường tồn của xã hội loài người

2/ Chức năng nuôi dưỡng và giáo dục

Bên cạnh chức năng tái sản xuất ra con người, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người.

3/ Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng.

Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có được, là ở chỗ, gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội. Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động, mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội.

4/ Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình.

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị.

**Câu 10. Khái niệm gia đình. Phân tích sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**\* Khái niệm gia đình:** Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc

biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

### **\* Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

#### **1/ Biến đổi về quy mô, kết cấu gia đình.**

Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

#### **2/ Biến đổi các chức năng của gia đình**

##### **- Biến đổi về chức năng tái sản xuất ra con người.**

Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng.

##### **- Biến đổi về chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng.**

Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới “tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra”, tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

##### **- Biến đổi chức năng giáo dục.**

Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

##### **- Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm.**

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi.

#### **3/ Biến đổi quan hệ gia đình**

##### **- Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng.**

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình người đàn ông - người chồng làm chủ gia đình ra thì còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại. Đó là mô hình người phụ nữ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình.

- Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình.

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi. Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phụ thuộc nhiều vào nhà trường, mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, người cao tuổi trong gia đình phải đối mặt với sự cô đơn thiếu thốn về tình cảm khi quy mô gia đình bị biến đổi.

### **Câu 11. Nguồn gốc của tôn giáo và nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**

**\* Quan niệm:** Tôn giáo là một hiện tượng xã hội xuất hiện sớm trong lịch sử xã hội loài người nhưng cho đến nay còn khá nhiều quan niệm khác nhau về tôn giáo. Trong tác phẩm Chông Đuyrinh Ph. Ăngghen viết: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc của con người – của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu thế gian”.

#### **\* Nguồn gốc của tôn giáo:**

- **Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội:** Trong xã hội công xã nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến cho con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí. Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức bóc lột bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hoá giai cấp và áp bức bóc lột bất công, tội ác v.v..., cộng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

- **Nguồn gốc nhận thức:** Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

- **Nguồn gốc tâm lý:** Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra; cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo.

**\* Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH:**

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại, tuy đã có sự biến đổi trên nhiều mặt. Vì vậy, khi giải quyết vấn đề tôn giáo cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân

Tín ngưỡng, tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đáng tối cao, đáng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Do đó, tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân.

Tôn trọng tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ XHCN.

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới

Chủ nghĩa Mác – Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết phải thay đổi tồn tại xã hội; muốn xóa bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng. Điều cần thiết phải xác lập một xã hội hiện thực không áp bức, bất công, nghèo đói và thất học....

- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.

Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiền bộ với phản tiền bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về kinh tế, chính trị giữa các cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng.

Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo và những người không theo tôn giáo.

- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo.

Tôn giáo không phải là một hiện tượng bất biến, ngược lại nó luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tùy thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội – lịch sử cụ thể. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với các vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

**Câu 12. Nội dung cơ bản trong chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.**

**\* Nêu khái quát một số đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam:**

Thứ nhất: Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo; tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo;

Thứ hai: Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc;



Thứ ba: Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ;

Thứ tư: Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài;

Thứ năm: Tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực phản động lợi dụng.

**\* Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản sau:**

1/ Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đây là sự khẳng định mang tính khoa học và cách mạng, hoàn toàn khác với cách nhìn nhận chủ quan, tả khuynh khi cho rằng có thể bằng các biện pháp hành chính, hay khi trình độ dân trí cao, đời sống vật chất được bảo đảm là có thể làm cho tín ngưỡng, tôn giáo mất đi; hoặc duy tâm, hữu khuynh khi nhìn nhận tín ngưỡng, tôn giáo là hiện tượng bất biến, độc lập, thoát ly với mọi cơ sở kinh tế - xã hội, thể chế chính trị.

Vì vậy, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tín ngưỡng, tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật.

2/ Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; mặt khác, thông qua quá trình vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ kiến thức...

3/ Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

4/ Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn, liên quan đến chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng, Nhà nước. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, bao gồm hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị..

5/ Vấn đề theo đạo và truyền đạo.

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo..

---

*(Ghi chú: Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm)*

**DUYỆT**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**CÁN BỘ RA ĐỀ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*